

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 13 tháng 8 năm 2026



BẢN SO SÁNH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC CHI TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC, CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ VÀ CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH CÀ MAU VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2026/NQ-HĐND NGÀY 25/02/2026 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị quyết này quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 và khoản 1, khoản 2 Điều 33 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước. 2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC và Thông tư số 54/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị quyết này quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước. 2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC.	Kế thừa nội dung tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 25/02/2026 của HĐND tỉnh Cà Mau

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. 2. Tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ. 3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau. 2. Các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau. 3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 35/2026/TT-BTC
Chương II CHI TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI ĐỊA PHƯƠNG DO ĐỊA PHƯƠNG CHI TOÀN BỘ CHI PHÍ, CHI TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI ĐỊA PHƯƠNG DO ĐỊA PHƯƠNG CHI MỘT PHẦN CHI PHÍ TRONG NƯỚC, CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC	Chương II MỨC CHI TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI ĐỊA PHƯƠNG, MỨC CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC, MỨC CHI HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TỔ CHỨC TẠI ĐỊA PHƯƠNG	Tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Thông tư số 35/2026/TT-BTC quy định: Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Do đó, cơ quan soạn thảo bổ sung từ "mức" trước từ "chi tiếp khách" để làm rõ nội dung. Đồng thời, xây dựng nội dung "Mức chi hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại địa phương" thành 1 Mục của Chương II để đảm bảo tính chặt chẽ, không quy định "nội dung Chương chỉ có một Điều".

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Mục 1 CHI TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI ĐỊA PHƯƠNG DO ĐỊA PHƯƠNG CHI TOÀN BỘ CHI PHÍ	Mục 1 MỨC CHI TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI ĐỊA PHƯƠNG DO ĐỊA PHƯƠNG CHI TOÀN BỘ CHI PHÍ	
Điều 3. Chi đón, tiễn khách tại sân bay 1. Chi tặng hoa cho các đối tượng sau: Trưởng đoàn và Phu nhân (Phu quân) đối với khách hạng đặc biệt; trưởng đoàn khách hạng A, hạng B. Mức chi: 500.000 đồng/người. 2. Chi thuê phòng chờ tại sân bay áp dụng đối với khách hạng đặc biệt, khách hạng A, khách hạng B. Giá thuê phòng chờ thanh toán căn cứ theo hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.	Điều 3. Mức chi đón, tiễn khách tại sân bay 1. Chi tặng hoa a) Trưởng đoàn và Phu nhân (Phu quân) của đoàn khách hạng đặc biệt: Mức chi thực hiện theo chương trình, đề án đón tiếp do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về nghi lễ đối ngoại; thanh toán theo hóa đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật; b) Trưởng đoàn khách hạng A, hạng B: 700.000 đồng/người. 2. Chi thuê phòng chờ tại sân bay áp dụng đối với khách hạng đặc biệt, khách hạng A, khách hạng B. Giá thuê phòng chờ thanh toán căn cứ theo hóa đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.	- Nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 35/2026/TT-BTC. - Mức chi đối với Trưởng đoàn khách hạng A, hạng B được áp dụng bằng 70% mức chi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 35/2026/TT-BTC và cao hơn 40% so với mức chi tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 4. Tiêu chuẩn xe ô tô đưa, đón khách 1. Khách hạng đặc biệt: Sử dụng xe lễ tân Nhà nước theo quy chế của Bộ Ngoại giao và các quy định hiện hành có liên quan. 2. Đoàn là khách hạng A: Trưởng đoàn bố trí một xe riêng. Phó đoàn và đoàn viên 03 người/một xe. Riêng trường hợp phó đoàn và đoàn viên là cấp Bộ trưởng bố trí 01 người/xe, phó đoàn và đoàn viên là cấp Thứ trưởng và tương đương 02 người/xe. Đoàn tùy tùng đi xe nhiều chỗ ngồi. 3. Đoàn là khách hạng B, hạng C: Trưởng đoàn bố trí một xe riêng. Riêng trường hợp phó đoàn là cấp thứ trưởng và cấp tương đương bố trí 02 người/xe. Các đoàn viên trong đoàn đi xe nhiều chỗ ngồi.		Cơ quan soạn thảo không xây dựng nội dung "Tiêu chuẩn xe ô tô đưa, đón khách" vào dự thảo Nghị quyết. Lý do: Tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Thông tư số 35/2026/TT-BTC: Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Nội dung này không quy định mức chi cụ thể, trường hợp phát sinh thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 35/2026/TT-BTC do khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết có quy định "2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC."

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 5. Tiêu chuẩn về thuê chỗ ở 1. Khách hạng đặc biệt: Tiêu chuẩn thuê chỗ ở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt. 2. Đoàn là khách hạng A a) Trưởng đoàn: 5.500.000 đồng/người/ngày; b) Phó đoàn: 4.500.000 đồng/người/ngày; c) Đoàn viên: 3.500.000 đồng/người/ngày. 3. Đoàn là khách hạng B a) Trưởng đoàn, Phó đoàn: 4.500.000 đồng/người/ngày; b) Đoàn viên: 2.800.000 đồng/người/ngày. 4. Đoàn khách hạng C a) Trưởng đoàn: 2.500.000 đồng/người/ngày; b) Đoàn viên: 1.800.000 đồng/người/ngày. 5. Khách mời quốc tế khác: 800.000 đồng/người/ngày. 6. Giá thuê chỗ ở quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này đã bao gồm cả bữa ăn sáng. Trường hợp thuê chỗ ở không bao gồm tiền ăn sáng trong giá thuê thì cơ quan, đơn vị tiếp khách chi tiền ăn sáng tối đa bằng 10% mức ăn của một người trong 01 ngày đối với từng hạng khách. Tổng mức tiền thuê chỗ ở trong trường hợp không bao gồm tiền ăn sáng và mức chi tiền ăn sáng cho khách không vượt quá mức chi thuê chỗ ở quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.	Điều 4. Mức chi thuê chỗ ở 1. Khách hạng đặc biệt: Mức chi thuê chỗ ở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt. 2. Đoàn là khách hạng A a) Trưởng đoàn: 6.600.000 đồng/người/ngày; b) Phó đoàn: 5.400.000 đồng/người/ngày; c) Đoàn viên: 4.200.000 đồng/người/ngày. 3. Đoàn là khách hạng B a) Trưởng đoàn, Phó đoàn: 5.400.000 đồng/người/ngày; b) Đoàn viên: 3.400.000 đồng/người/ngày. 4. Đoàn là khách hạng C a) Trưởng đoàn: 3.000.000 đồng/người/ngày; b) Đoàn viên: 2.100.000 đồng/người/ngày. 5. Khách mời quốc tế khác: 1.100.000 đồng/người/ngày. 6. Giá thuê chỗ ở quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này đã bao gồm cả bữa ăn sáng. Trường hợp thuê chỗ ở không bao gồm tiền ăn sáng trong giá thuê thì cơ quan, đơn vị tiếp khách chi tiền ăn sáng tối đa bằng 10% mức ăn của một người trong 01 ngày đối với từng hạng khách. Tổng mức tiền thuê chỗ ở trong trường hợp không bao gồm tiền ăn sáng và mức chi tiền ăn sáng cho khách không vượt quá mức chi thuê chỗ ở quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.	- Nội dung chi theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 35/2026/TT-BTC. - Mức chi được áp dụng trong khoảng từ 68,75% đến 70,83% mức chi quy định tại Điều 7 Thông tư số 35/2026/TT-BTC và cao hơn khoảng 20% so với mức chi tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 6. Tiêu chuẩn ăn hàng ngày (bao gồm 02 bữa trưa, tối) 1. Mức chi ăn hàng ngày quy định tại Điều này đã bao gồm tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam hoặc sản phẩm sản xuất tại địa phương), cụ thể: a) Khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, kế hoạch, đề án đón đoàn; b) Đoàn là khách hạng A: 1.500.000 đồng/ngày/người; c) Đoàn là khách hạng B: 1.000.000 đồng/ngày/người; d) Đoàn là khách hạng C: 800.000 đồng/ngày/người; đ) Khách mời quốc tế khác: 600.000 đồng/ngày/người. 2. Trong trường hợp cần thiết phải có cán bộ của cơ quan, đơn vị đón tiếp đi ăn cùng đoàn thì được tiêu chuẩn ăn như đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài.	Điều 5. Mức chi ăn hàng ngày (bao gồm 2 bữa trưa, tối) 1. Mức chi ăn hàng ngày quy định tại Điều này đã bao gồm tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam hoặc sản phẩm sản xuất tại địa phương), cụ thể: a) Khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn; b) Đoàn là khách hạng A: 2.100.000 đồng/người/ngày; c) Đoàn là khách hạng B: 1.400.000 đồng/người/ngày; d) Đoàn là khách hạng C: 1.100.000 đồng/người/ngày; đ) Khách mời quốc tế khác: 800.000 đồng/người/ngày; 2. Trong trường hợp cần thiết phải có cán bộ của cơ quan, đơn vị đón tiếp đi ăn cùng đoàn thì được tiêu chuẩn ăn như đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài. Trường hợp cần thiết phải bố trí ăn tập trung cho lực lượng phục vụ đoàn, gồm bảo vệ, lái xe (trừ lái xe đi thuê), lễ tân, cảnh sát giao thông tham gia dẫn đoàn đối với đoàn khách hạng đặc biệt và đoàn khách hạng A theo kế hoạch, chương trình, đề án đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi tiền ăn 350.000 đồng/người/ngày (đã bao gồm đồ uống), không phát tiền nếu không ăn tập trung.	- Nội dung chi theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 35/2026/TT-BTC. - Mức chi được áp dụng trong khoảng từ 66,67% đến 70% mức chi quy định tại Điều 8 Thông tư số 35/2026/TT-BTC và cao hơn trong khoảng từ 33,33% đến 40% so với mức chi tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 7. Tổ chức chiêu đãi 1. Khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, kế hoạch, đề án đón đoàn. 2. Đối với khách hạng A, hạng B, hạng C: Mỗi đoàn khách được tổ chức chiêu đãi một lần. Mức chi chiêu đãi khách tối đa không vượt quá mức tiền ăn một ngày của khách theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết này. 3. Mức chi chiêu đãi quy định tại khoản 2 Điều này đã bao gồm tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam hoặc sản phẩm sản xuất tại địa phương). 4. Đại biểu và phiên dịch tỉnh Cà Mau tham gia tiếp khách được áp dụng mức chi chiêu đãi như thành viên của đoàn. Danh sách đại biểu tỉnh Cà Mau căn cứ theo chương trình, kế hoạch, đề án đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 5. Trong ngày tổ chức tiệc chiêu đãi, thì bữa trưa (hoặc tối) còn lại (nếu có) được thực hiện theo tiêu chuẩn bằng 50% tiêu chuẩn ăn hàng ngày theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết này.	Điều 6. Mức chi tổ chức chiêu đãi 1. Khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn. 2. Đối với khách hạng A, hạng B, hạng C: Mỗi đoàn khách được tổ chức chiêu đãi một lần. Mức chi chiêu đãi khách tối đa không vượt quá mức tiền ăn một ngày của khách theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này. Đối với khách quốc tế khác, căn cứ tính chất của quan hệ ngoại giao và yêu cầu công tác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp khách xem xét, quyết định việc tổ chức chiêu đãi trong chương trình, đề án đón tiếp đoàn. Mức chi chiêu đãi khách tối đa không vượt quá mức tiền ăn hàng ngày quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này. 3. Mức chi chiêu đãi quy định tại Điều này đã bao gồm tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam). 4. Đại biểu và phiên dịch tỉnh Cà Mau tham gia tiếp khách được áp dụng mức chi chiêu đãi như thành viên của đoàn. Danh sách đại biểu tỉnh Cà Mau căn cứ theo chương trình, đề án đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp cần thiết, tại buổi chiêu đãi khách quốc tế, bố trí ăn tập trung cho lực lượng phục vụ đoàn, gồm bảo vệ, lái xe (trừ lái xe đi thuê), lễ tân, cảnh sát giao thông tham gia dẫn đoàn đối với đoàn khách hạng đặc biệt và đoàn khách	- Nội dung chi theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 35/2026/TT-BTC. - Mức chi được áp dụng bằng 70% mức chi quy định tại Điều 9 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	hạng A theo kế hoạch, chương trình, đề án đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi tiền ăn 350.000 đồng/người/ngày (đã bao gồm đồ uống), không phát tiền nếu không ăn tập trung. 5. Trong ngày tổ chức tiệc chiêu đãi, thì bữa trưa (hoặc tối) còn lại (nếu có) được thực hiện theo tiêu chuẩn bằng 50% tiêu chuẩn ăn hàng ngày theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.	
Điều 8. Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc 1. Khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, kế hoạch, đề án đón đoàn. 2. Đối với các đoàn khách khác, mức chi tiếp xã giao và các buổi làm việc (đồ uống, hoa quả, bánh ngọt) thực hiện như sau: a) Đoàn là khách hạng A: 150.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày); b) Đoàn là khách hạng B: 80.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày); c) Đoàn là khách hạng C, khách quốc tế khác: 60.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày). 3. Đại biểu và phiên dịch tỉnh Cà Mau tham gia tiếp khách được áp dụng tiêu chuẩn tiếp xã giao như thành viên của đoàn theo quy định tại khoản 2 Điều này. Danh sách đại biểu tỉnh Cà Mau do cấp thẩm quyền phê duyệt.	Điều 7. Mức chi tiếp xã giao và các buổi làm việc 1. Khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn. 2. Đối với các đoàn khách khác, mức chi tiếp xã giao và các buổi làm việc (đồ uống, hoa quả, bánh ngọt) thực hiện như sau: a) Đoàn là khách hạng A: 210.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày); b) Đoàn là khách hạng B: 110.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày); c) Đoàn là khách hạng C, khách quốc tế khác: 80.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày). 3. Đại biểu và phiên dịch tỉnh Cà Mau tham gia tiếp khách được áp dụng tiêu chuẩn tiếp xã giao như thành viên của đoàn theo quy định tại khoản 2 Điều này. Danh sách đại biểu tỉnh Cà Mau do đơn vị được giao chủ trì đón tiếp phê duyệt.	- Nội dung chi theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 35/2026/TT-BTC. - Mức chi được áp dụng trong khoảng từ 66,67% đến 70% mức chi quy định tại Điều 10 Thông tư số 35/2026/TT-BTC và cao hơn trong khoảng từ 33,33% đến 40% so với mức chi tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 9. Chi dịch thuật 1. Chi biên dịch a) Biên dịch một trong 06 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt (gồm: Tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha): 150.000 đồng/trang (350 từ); b) Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 06 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc: 180.000 đồng/trang (350 từ); c) Đối với các ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc, tùy theo mức độ phổ biến của ngôn ngữ đó trên địa bàn cơ quan, đơn vị, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% so với mức chi biên dịch quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.	Điều 8. Mức chi dịch thuật 1. Chi biên dịch a) Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt (gồm: Tiếng Ả Rập, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha): 210.000 đồng/trang (350 từ); b) Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc: 250.000 đồng/trang (350 từ); c) Đối với các ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc, tùy theo mức độ phổ biến của ngôn ngữ đó trên địa bàn cơ quan, đơn vị, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% so với mức chi biên dịch quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.	- Nội dung chi theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC. - Mức chi được áp dụng trong khoảng 70% mức chi quy định tại Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC và cao hơn khoảng 40% so với mức chi tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
2. Chi dịch nói a) Dịch nói thông thường: 250.000 đồng/giờ/người, tương đương 2.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng; b) Dịch đuổi (dịch đồng thời): 500.000 đồng/giờ/người, tương đương 4.000.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng; c) Trong trường hợp đặc biệt tổ chức các hội nghị quốc tế có quy mô lớn hoặc các hội nghị song phương, đàm phán ký kết hiệp định, công ước, hội nghị chuyên ngành, đón tiếp đoàn khách hạng đặc biệt hoặc đoàn khách hạng A cần phải thuê phiên dịch có trình độ dịch đuổi cao hơn quy định nêu trên để đảm bảo chất lượng của hội nghị, thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị quyết định mức chi dịch nói cho phù hợp và phải tự sắp xếp trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện; d) Trường hợp phải thuê phiên dịch tham gia đón tiếp đoàn khách tham dự hội nghị quốc tế, thì tùy trường hợp cụ thể, cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị quyết định việc thanh toán các khoản chi phí đi lại (nếu có), phòng nghỉ, tiêu chuẩn ăn hàng ngày của người phiên dịch tối đa bằng chế độ đón tiếp đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài.	2. Chi dịch nói a) Dịch nói tiếp: 520.000 đồng/giờ/người; b) Dịch song song (dịch cabin): 1.100.000 đồng/giờ/người; c) Trường hợp dịch lẻ giờ (chưa đủ 1 giờ) thì thực hiện thanh toán, quyết toán theo mức chi của 1 giờ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp đặc biệt tổ chức các hội nghị quốc tế có quy mô lớn hoặc các hội nghị song phương, đàm phán ký kết hiệp định, công ước, hội nghị chuyên ngành, đón tiếp đoàn khách hạng đặc biệt hoặc đoàn khách hạng A cần phải thuê phiên dịch có trình độ dịch song song (dịch cabin) cao hơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều này để bảo đảm chất lượng của hội nghị, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị quyết định mức chi dịch nói cho phù hợp và tự sắp xếp trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện; d) Trường hợp phải thuê phiên dịch tham gia đón tiếp đoàn khách tham dự hội nghị quốc tế, căn cứ trường hợp cụ thể, cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị quyết định việc thanh toán các khoản chi phí đi lại (nếu có), phòng nghỉ, tiêu chuẩn ăn hàng ngày của người phiên dịch tối đa bằng chế độ đón tiếp đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài.	- Nội dung chi theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC. - Mức chi được áp dụng trong khoảng từ 69,33% đến 73,33% mức chi quy định tại Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC và cao hơn 100% mức chi tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
3. Việc thuê biên dịch, phiên dịch tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện khi cơ quan, đơn vị không có người biên dịch, phiên dịch đáp ứng được yêu cầu. 4. Trường hợp các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị để tham gia công tác biên, phiên dịch thì được thanh toán tối đa bằng 50% mức chi biên, phiên dịch tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quyết định mức chi cụ thể trong từng trường hợp và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.	3. Việc thuê biên dịch, phiên dịch tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện khi cơ quan, đơn vị không có người biên dịch, phiên dịch đáp ứng được yêu cầu. Trường hợp các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị để tham gia công tác biên, phiên dịch thì được thanh toán tối đa bằng 50% mức chi biên dịch, phiên dịch tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quyết định mức chi cụ thể trong từng trường hợp và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.	Nội dung chi theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 10. Chi văn hóa, văn nghệ và tặng phẩm Căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại địa phương, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định chi văn hóa, văn nghệ và tặng phẩm trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức; cụ thể như sau: 1. Chi văn hóa, văn nghệ a) Đối với đoàn khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, kế hoạch, đề án đón đoàn; b) Đối với đoàn khách hạng A, hạng B và hạng C: Tùy từng trường hợp cụ thể, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong kế hoạch đón đoàn, nhưng tối đa mỗi đoàn chỉ được mời xem biểu diễn nghệ thuật một lần theo giá vé tại rạp hoặc theo hợp đồng biểu diễn.	Điều 9. Mức chi văn hóa, văn nghệ và tặng phẩm Căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại địa phương, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định chi văn hóa, văn nghệ và tặng phẩm trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức, cụ thể như sau: 1. Chi văn hóa, văn nghệ a) Đối với đoàn khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn; b) Đối với đoàn khách hạng A, B và C: Căn cứ từng trường hợp cụ thể, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong kế hoạch đón đoàn, tối đa mỗi đoàn chỉ được mời xem biểu diễn nghệ thuật một lần theo giá vé tại rạp hoặc theo hợp đồng biểu diễn.	Nội dung chi theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.
2. Chi tặng phẩm Tặng phẩm là sản phẩm do Việt Nam sản xuất (hoặc sản phẩm sản xuất tại địa phương) và thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc, mức mua quà tặng cụ thể như sau:	2. Chi tặng phẩm Tặng phẩm là sản phẩm do Việt Nam sản xuất và thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc, mức mua quà tặng cụ thể như sau: a) Đối với đoàn khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn; b) Đối với đoàn khách hạng A	- Nội dung chi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 35/2026/TT-BTC. - Mức chi được áp dụng trong khoảng từ 69,23% đến 72,22% mức chi quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 35/2026/TT-BTC và cao hơn

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
a) Đối với đoàn khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, kế hoạch, đề án đón đoàn; b) Đối với đoàn khách hạng A: Trưởng đoàn khách: 1.300.000 đồng/người. Trường hợp có Phu nhân (Phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với Phu nhân (Phu quân): 1.300.000 đồng/người. Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy tùng trong kế hoạch, đề án đón đoàn, mức chi: 500.000 đồng/người; c) Đối với đoàn khách hạng B: Trưởng đoàn khách: 900.000 đồng/người. Trường hợp có Phu nhân (Phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với Phu nhân (Phu quân): 900.000 đồng/người. Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy tùng trong kế hoạch, đề án đón đoàn, mức chi: 500.000 đồng/người.	Trưởng đoàn khách: 1.800.000 đồng/người. Trường hợp có Phu nhân (Phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với Phu nhân (Phu quân): 1.800.000 đồng/người. Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy tùng trong kế hoạch, đề án đón đoàn: 700.000 đồng/người; c) Đối với đoàn khách hạng B Trưởng đoàn khách: 1.300.000 đồng/người. Trường hợp có Phu nhân (Phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với Phu nhân (Phu quân): 1.300.000 đồng/người. Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy tùng trong kế hoạch, đề án đón đoàn: 700.000 đồng/người; d) Đối với đoàn khách hạng C và khách mời quốc tế khác Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên của đoàn khách trong kế hoạch, đề án đón đoàn: 700.000 đồng/người.	trong khoảng từ 38,46% đến 44,44% so với mức chi tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 11. Chế độ, tiêu chuẩn chi khi đưa đoàn khách nước ngoài đi công tác địa phương và cơ sở 1. Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các địa phương hoặc cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì tiêu chuẩn đón tiếp như sau: a) Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp khách chịu trách nhiệm chi toàn bộ chi phí đưa đón khách từ nơi ở chính tới địa phương, cơ sở và chi phí ăn, nghỉ cho khách trong những ngày khách làm việc tại địa phương, cơ sở theo các mức chi quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết này; chi dịch nói theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết này (nếu có); b) Cơ quan, đơn vị ở địa phương hoặc cơ sở nơi khách đến thăm và làm việc chi tiếp khách xã giao và các buổi làm việc theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này. Chi dịch nói theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết này (nếu có).	Điều 10. Mức chi khi đưa đoàn khách nước ngoài đi công tác địa phương và cơ sở 1. Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các địa phương hoặc cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì thực hiện đón tiếp như sau: a) Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp khách chịu trách nhiệm chi toàn bộ chi phí đưa đón khách từ nơi ở chính tới địa phương, cơ sở và chi phí ăn, nghỉ cho khách trong những ngày khách làm việc tại địa phương, cơ sở theo các mức chi quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị quyết này; chi dịch nói theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này (nếu có); b) Cơ quan, đơn vị ở địa phương hoặc cơ sở nơi khách đến thăm và làm việc chi tiếp khách xã giao và các buổi làm việc theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này. Chi dịch nói theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết này (nếu có).	Theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
2. Chế độ đối với cán bộ tỉnh Cà Mau được cử tham gia đoàn tháp tùng khách đi thăm và làm việc ở địa phương a) Cán bộ tỉnh Cà Mau được thực hiện chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau; b) Trường hợp đối ngoại phải ở cùng khách sạn với đoàn khách quốc tế, thì cán bộ tỉnh Cà Mau được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 02 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở. Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 01 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở.	2. Chế độ đối với cán bộ tỉnh Cà Mau được cử tham gia đoàn tháp tùng khách đi thăm và làm việc ở địa phương a) Cán bộ tỉnh Cà Mau được thực hiện chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức; b) Trường hợp yêu cầu đối ngoại cần bố trí cán bộ tỉnh Cà Mau lưu trú cùng khách sạn với đoàn khách quốc tế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cán bộ tỉnh Cà Mau được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) hoặc theo giá thực tế của loại phòng thấp nhất còn trống tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở (trong trường hợp loại phòng tiêu chuẩn (Standard) đã hết phòng). Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 01 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) hoặc theo giá thực tế của loại phòng thấp nhất còn trống tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở (trong trường hợp loại phòng tiêu chuẩn (Standard) đã hết phòng).	Theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 12. Chi đưa khách đi tham quan 1. Căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định trong kế hoạch đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc đưa khách đi tham quan trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức. 2. Mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết này và được áp dụng cho cả cán bộ tỉnh Cà Mau tham gia đưa đoàn đi tham quan. Số lượng cán bộ tỉnh Cà Mau tham gia đoàn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì đón đoàn phê duyệt.	Điều 11. Mức chi đưa khách đi tham quan 1. Căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định trong kế hoạch đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc đưa khách đi tham quan trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức. 2. Mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Nghị quyết này và được áp dụng cho cả cán bộ tỉnh Cà Mau tham gia đưa đoàn đi tham quan. Số lượng cán bộ tỉnh Cà Mau tham gia đoàn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì đón đoàn phê duyệt.	Theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 13. Trách nhiệm chi tiếp khách trong trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị 1. Trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì cơ quan, đơn vị chủ trì trong việc đón đoàn chịu trách nhiệm về chi phí đón, tiễn, tiền ăn, tiền thuê chỗ ở, đi lại của đoàn theo mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết này. 2. Các cơ quan, đơn vị có kế hoạch, chương trình làm việc với đoàn sẽ chịu trách nhiệm chi phí tiếp đoàn trong thời gian đoàn làm việc với cơ quan, đơn vị mình theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi tiếp khách áp dụng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị quyết này.	Điều 12. Mức chi tiếp khách trong trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị 1. Trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì cơ quan, đơn vị chủ trì trong việc đón đoàn chịu trách nhiệm về chi phí đón, tiễn, tiền ăn, tiền thuê chỗ ở, đi lại của đoàn theo mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết này. 2. Các cơ quan, đơn vị có kế hoạch, chương trình làm việc với đoàn sẽ chịu trách nhiệm chi phí tiếp đoàn trong thời gian đoàn làm việc với cơ quan, đơn vị mình theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi tiếp khách áp dụng theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết này.	Theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.
Mục 2 CHI TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI ĐỊA PHƯƠNG DO ĐỊA PHƯƠNG CHI MỘT PHẦN CHI PHÍ TRONG NƯỚC	Mục 2 MỨC CHI TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI VÀO LÀM VIỆC TẠI ĐỊA PHƯƠNG DO ĐỊA PHƯƠNG CHI MỘT PHẦN CHI PHÍ TRONG NƯỚC	

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 14. Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại địa phương do khách tự túc ăn, ở; địa phương chi các khoản đón tiếp, đối ngoại khác 1. Đối với khách đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, kế hoạch, đề án đón đoàn. 2. Đối với khách hạng A, hạng B, hạng C a) Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp đoàn được chi đón tiếp đoàn như sau: Chi đón tiếp tại sân bay, chi phương tiện đi lại trong thời gian đoàn làm việc tại tỉnh Cà Mau, chi tiếp xã giao các buổi làm việc; chi dịch thuật, chi văn hóa, văn nghệ và tặng phẩm. Trong trường hợp vì quan hệ đối ngoại xét thấy cần thiết thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp quyết định chi chiêu đãi hoặc chi mời cơm thân mật và phải được duyệt trong đề án, kế hoạch đón đoàn; b) Tiêu chuẩn chi đón tiếp và mức chi theo từng hạng khách thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị quyết này. 3. Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các địa phương hoặc cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì thực hiện chi đón tiếp theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết này (trừ các khoản khách tự túc ăn, ở). 4. Trường hợp đoàn làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện chi đón tiếp theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết này.	Điều 13. Mức chi tiếp khách đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh do khách tự túc ăn, ở; tỉnh chi các khoản đón tiếp, đối ngoại khác 1. Đối với khách đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, kế hoạch, đề án đón đoàn. 2. Đối với khách hạng A, hạng B, hạng C a) Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp đoàn được chi đón tiếp đoàn như sau: Chi đón tiếp tại sân bay, chi phương tiện đi lại trong thời gian đoàn làm việc tại tỉnh Cà Mau, chi tiếp xã giao các buổi làm việc; chi dịch thuật, chi văn hóa, văn nghệ và tặng phẩm. Trong trường hợp vì quan hệ đối ngoại xét thấy cần thiết thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp quyết định chi chiêu đãi hoặc chi mời cơm thân mật và phải được duyệt trong đề án, kế hoạch đón đoàn; b) Mức chi theo từng hạng khách thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị quyết này. 3. Trường hợp cần thiết phải đưa khách đi thăm, làm việc tại các địa phương hoặc cơ sở theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì thực hiện chi đón tiếp theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết này (trừ các khoản khách tự túc ăn, ở). 4. Trường hợp đoàn làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện chi đón tiếp theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết này.	Theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	Điều 14. Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại địa phương do khách tự túc mọi chi phí Cơ quan, đơn vị có đoàn đến làm việc chỉ được chi để tiếp xã giao các buổi đoàn đến làm việc theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này.	Theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.
Mục 3 CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC	Mục 3 MỨC CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC	
Điều 15. Đối tượng và mức chi tiếp khách trong nước 1. Đối tượng khách được mời cơm Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đề Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền ban hành chi tiết đối tượng khách được mời cơm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đối tượng khách được mời cơm, như sau:	Điều 15. Chi giải khát Chi giải khát: 50.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người.	Mức chi được áp dụng bằng 83,83% mức chi quy định tại Điều 30 Thông tư số 35/2026/TT-BTC để tương đương với mức chi giải khát giữa giờ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND: 50.000 đồng/một buổi (nửa ngày)/ đại biểu và cao hơn khoảng 66,67% so với mức chi tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND.
a) Cán bộ lão thành cách mạng; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; các đoàn đại biểu người có công và thân nhân người có công với cách mạng; các chức sắc tôn giáo; người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh;	Điều 16. Chi mời cơm Chi mời cơm: 400.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống).	- Mức chi mời cơm được áp dụng bằng 66,67% mức chi quy định tại Điều 31 Thông tư số 35/2026/TT-BTC và cao hơn khoảng 33% so với mức chi tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
b) Khách thuộc các cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; c) Khách là tổ chức, cá nhân trực tiếp làm việc tìm hiểu môi trường đầu tư, tài trợ, viện trợ; các viện, các cơ sở đào tạo ngoài tỉnh; d) Khách thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong tỉnh đến làm việc. 2. Mức chi a) Chi giải khát: 30.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người; b) Chi mời cơm: 300.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống).		- Đối tượng khách được mời cơm: Tại điểm b khoản 2 Điều 31 Thông tư số 35/2026/TT-BTC: “b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương quy định cụ thể đối tượng khách được mời cơm đối với từng loại hình cơ quan thuộc tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả;”. Theo đó thẩm quyền quy định cụ thể đối tượng khách được mời cơm do UBND tỉnh quy định và thực hiện trình HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi ban hành, do đó nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính không quy định nội dung này vào dự thảo Nghị quyết.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	Điều 17. Mức chi phiên dịch tiếng dân tộc trong trường hợp tiếp khách dân tộc thiểu số Trong trường hợp phải đi thuê phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại, mức thuê phiên dịch áp dụng bằng mức thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.
Chương III CHI HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TỔ CHỨC TẠI ĐỊA PHƯƠNG	Mục 4 MỨC CHI HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ TỔ CHỨC TẠI ĐỊA PHƯƠNG	Bổ cục lại thành Mục 4 Chương II để đảm bảo tính chặt chẽ, không quy định "nội dung Chương chỉ có một Điều".
Điều 16. Hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại địa phương do địa phương đài thọ toàn bộ chi phí 1. Đối với khách mời là đại biểu quốc tế do tỉnh Cà Mau đài thọ được áp dụng nội dung và mức chi quy định tại Mục 1 Chương II Nghị quyết này. 2. Chi giải khát giữa giờ (áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam): Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.	Điều 18. Mức chi hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại địa phương do địa phương đài thọ toàn bộ chi phí 1. Đối với khách mời là đại biểu quốc tế do tỉnh Cà Mau đài thọ được áp dụng nội dung và mức chi quy định tại Mục 1 Chương II Nghị quyết này. 2. Chi giải khát giữa giờ (áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch phía địa phương): Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này.	Theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	3. Chế độ đối với cán bộ tỉnh Cà Mau tham gia đón, tiếp khách quốc tế, phục vụ các hội nghị quốc tế a) Chi thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị; Trường hợp yêu cầu đối ngoại cần bố trí cán bộ tỉnh Cà Mau lưu trú tại khách sạn nơi tổ chức đón tiếp khách quốc tế và tổ chức hội nghị quốc tế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cán bộ tỉnh Cà Mau được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) hoặc theo giá thực tế của loại phòng thấp nhất còn trống tại khách sạn nơi tổ chức đón tiếp khách quốc tế và tổ chức hội nghị quốc tế (trong trường hợp loại phòng tiêu chuẩn (Standard) đã hết phòng). Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 1 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) hoặc theo giá thực tế của loại phòng thấp nhất còn trống tại khách sạn nơi tổ chức đón tiếp khách quốc tế và tổ chức hội nghị quốc tế (trong trường hợp loại phòng tiêu chuẩn (Standard) đã hết phòng); b) Chi làm thêm giờ (nếu có): Thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;	- Nội dung chi theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 35/2026/TT-BTC. - Mức chi được áp dụng bằng 70% mức chi quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	c) Chế độ khác Tiêu chuẩn ăn: Trường hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt chương trình, đề án tổ chức đón đoàn, tổ chức hội nghị đồng ý cho phép bố trí ăn tập trung cho lực lượng phục vụ (an ninh, bảo vệ, y tế, phục vụ, lái xe, lễ tân, tình nguyện viên, sỹ quan liên lạc và các lực lượng phục vụ khác quy định trong kế hoạch, đề án tổ chức hội nghị) trong những ngày diễn ra hội nghị chính thức, mức chi tiền ăn 350.000 đồng/người/ngày (đã bao gồm đồ uống); không phát tiền nếu không tổ chức ăn tập trung; Cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang tham gia bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, công chức, viên chức, nhân viên (bao gồm cả lực lượng bảo vệ, lái xe (trừ lái xe của xe đi thuê), lễ tân, tình nguyện viên, sỹ quan liên lạc và các nhân viên khác) trực tiếp tham gia phục vụ hội nghị (bao gồm cả ngày lễ và ngày nghỉ theo quy định) được hưởng tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ theo danh sách phê duyệt của người có thẩm quyền, mức chi từ 140.000 đồng/ngày/người đến 280.000 đồng/ngày/người, số lượng và mức chi cụ thể cho mỗi cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang tham gia bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, công chức, viên chức và nhân viên phục vụ hội nghị được quy định trong kế hoạch, đề án tổ chức hội nghị. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất.	- Nội dung chi theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 35/2026/TT-BTC. - Mức chi được áp dụng bằng 70% mức chi quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	Số ngày được hưởng tiền bồi dưỡng là số ngày chính thức diễn ra các hội nghị. Trường hợp công việc phải triển khai sớm hoặc kết thúc muộn hơn so với số ngày hội nghị chính thức, thì thanh toán theo số ngày thực tế làm nhiệm vụ theo quyết định phê duyệt của người có thẩm quyền được quy định trong kế hoạch, đề án tổ chức hội nghị; đồng thời không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ; Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên phục vụ hội nghị tại địa phương khác không phải nơi cư trú nếu đã được hưởng bồi dưỡng làm nhiệm vụ thì không thanh toán phụ cấp lưu trú theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND.	Nội dung chi theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.
3. Đối với các khoản chi khác trực tiếp phục vụ hội nghị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và trong dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể: a) Chi thù lao cho các diễn giả, học giả (nếu có): Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư số 71/2018/TT-BTC; b) Chi dịch thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết này; c) Chi giấy bút, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, tuyên truyền, trang trí, thuê hội trường hoặc phòng họp, thuê thiết bị (nếu có), tiền làm cờ, phù hiệu hội	4. Đối với các khoản chi khác trực tiếp phục vụ hội nghị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cụ thể: a) Chi thù lao cho các diễn giả, học giả (nếu có): Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư số 35/2026/TT-BTC; b) Chi dịch thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này; c) Chi giấy bút, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, tuyên truyền, trang trí, thuê hội trường hoặc phòng họp, thuê thiết bị (nếu có), tiền làm cờ, phù hiệu hội nghị, chi thuê phiên dịch, bảo vệ, thuốc y tế, các khoản chi cần thiết khác: Thực	Theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
nghị, chi thuê phiên dịch, bảo vệ, thuốc y tế, các khoản chi cần thiết khác: Thực hiện trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật và trong dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt.	hiện trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật và trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	
Điều 17. Hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại địa phương do địa phương và phía nước ngoài phối hợp tổ chức 1. Đối với các hội nghị này, khi xây dựng dự toán cần làm rõ những nội dung thuộc trách nhiệm của phía nước ngoài chi, những nội dung thuộc trách nhiệm địa phương chi để tránh chi trùng. 2. Đối với những nội dung chi thuộc trách nhiệm của địa phương thì căn cứ vào chế độ chi tiêu hiện hành và các mức chi được quy định tại Điều 16 Nghị quyết này để thực hiện.	Điều 19. Mức chi hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại địa phương do địa phương và nước ngoài phối hợp tổ chức 1. Đối với các hội nghị này, khi xây dựng dự toán cần làm rõ những nội dung thuộc trách nhiệm của phía nước ngoài chi, những nội dung thuộc trách nhiệm của địa phương chi để tránh chi trùng. 2. Đối với những nội dung chi thuộc trách nhiệm của địa phương thì căn cứ vào chế độ chi tiêu hiện hành và các mức chi được quy định tại Điều 18 Nghị quyết này để thực hiện.	Theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.
Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN	Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
Điều 18. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 71/2018/TTBTC. 2. Đối với các hội nghị được tổ chức bằng nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, tài trợ, thì khuyến khích vận dụng thực hiện chế độ chi tiêu hội nghị theo quy định này nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với nguồn kinh phí của đơn vị. 3. Các doanh nghiệp nhà nước được vận dụng thực hiện chế độ công tác phí, chi hội nghị, hội thảo và chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị quyết này, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của đơn vị.	Điều 20. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Nguồn ngân sách nhà nước. 2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập. 3. Các khoản đóng góp, ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước. 4. Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí (trong trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu phí được để lại để chi tiếp khách nước ngoài, chi hội nghị, hội thảo quốc tế tại địa phương và chi tiếp khách trong nước).	Áp dụng theo văn bản mới, quy định tại Điều 3 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với các chương trình, kế hoạch đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Cà Mau; chương trình, kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh Cà Mau và chương trình, kế hoạch tiếp khách trong nước của các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thanh toán, quyết toán theo nội dung và mức chi tại thời điểm phê duyệt chương trình, kế hoạch; 2. Trường hợp cấp có thẩm quyền đã phê duyệt chương trình, kế hoạch đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Cà Mau; chương trình, kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh Cà Mau và chương trình, kế hoạch tiếp khách trong nước trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa triển khai thực hiện; sau khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, căn cứ vào khả năng cân đối nguồn kinh phí của cơ quan, đơn vị, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức đón tiếp khách, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế xem xét, quyết định điều chỉnh dự toán kinh phí theo nội dung, mức chi quy định tại Nghị quyết này để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm chu đáo, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối nguồn kinh phí.	Theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.
Điều 19. Hiệu lực thi hành	Điều 22. Hiệu lực thi hành	
Điều 20. Tổ chức thực hiện	Điều 23. Tổ chức thực hiện	

